

Hủy kết hôn trái pháp luật và hậu quả pháp lý

PHAN THU LÊ

Kết hôn trái pháp luật là việc nam, nữ xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại cơ quan đăng ký kết hôn nhưng vi phạm điều kiện kết hôn, cụ thể là vi phạm một trong các qui định tại Điều 9, Điều 10 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Về nguyên tắc, Nhà nước không thừa nhận những trường hợp nam, nữ kết hôn mà không tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn. Do đó, việc kết hôn trái qui định của pháp luật sẽ bị tòa án xử hủy. Tuy nhiên, hủy việc kết hôn trái pháp luật ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống của nam, nữ kết hôn trái pháp luật và con cái của họ. Chính vì vậy, khi xử lý các trường hợp yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật Tòa án rất cần trong xem xét đến hoàn cảnh, mức độ vi phạm để đưa ra quyết định đúng đắn, đảm bảo thấu tình đạt lý.

CĂN CỨ VÀO Đâu ĐỂ TÒA ÁN HỦY VIỆC KẾT HÔN TRÁI PHÁP LUẬT?

Hủy việc kết hôn trái pháp luật dựa trên những căn cứ sau đây:

Thứ nhất: Nam, nữ chưa đến tuổi được kết hôn theo qui định tại Khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 mà đã kết hôn.

Theo qui định tại Khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì độ tuổi mà nam, nữ được kết hôn là nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên.

Như vậy, căn cứ vào giấy khai sinh, thời điểm kết hôn nếu nam chưa bước sang tuổi 20, nữ chưa bước sang tuổi 18 thì Tòa án có thể hủy việc kết hôn của họ. Tuy nhiên theo hướng dẫn của của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP thì khi giải quyết các trường hợp hủy việc kết hôn trái pháp luật do có căn cứ này cần lưu ý:

Nếu đến thời điểm có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật mà một hoặc cả hai bên vẫn chưa đến tuổi kết hôn thì Tòa án quyết định hủy việc kết hôn trái pháp luật.

Nếu đến thời điểm có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật mà cả hai bên tuy đã đến tuổi kết hôn nhưng cuộc sống của họ không hạnh phúc, không có tình cảm yêu thương của vợ chồng thì Tòa án sẽ hủy việc kết hôn trái pháp luật.

Nếu đến thời điểm có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật mà cả hai bên đã đến tuổi kết hôn, họ đã



Tòa án có thể căn cứ vào những quy định trong Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để hủy việc kết hôn trái pháp luật

chung sống bình thường, hạnh phúc trong thời gian chung sống với nhau, đã có con chung, tài sản chung thì Tòa án không quyết định hủy việc kết hôn trái pháp luật.

Thứ hai: Việc kết hôn thiếu sự tự nguyện của nam hoặc nữ hoặc của cả nam và nữ.

Thiếu sự tự nguyện của nam, nữ khi kết hôn là có hành vi cưỡng ép kết hôn, lừa dối để kết hôn.

Cưỡng ép kết hôn là hành vi buộc người khác phải kết hôn trái với nguyện vọng của họ.

Lừa dối để kết hôn: Một trong hai người kết hôn đã nói sai sự thật về người đó làm cho người kia bị tưởng

lắm mà kết hôn hoặc một trong hai người kết hôn đã hứa hẹn sẽ làm việc gì có lợi cho người kia làm người kia đồng ý kết hôn. Như vậy, khi việc kết hôn có hành vi cưỡng ép hoặc lừa dối thì được xác định là có căn cứ để Tòa án xử hủy việc kết hôn trái pháp luật khi có yêu cầu. Tuy vậy, khi giải quyết các trường hợp này cần phải xem xét và đánh giá quan hệ tình cảm giữa các bên kể từ khi họ kết hôn cho đến khi Tòa án xem xét và giải quyết việc kết hôn của họ. Hướng giải quyết như sau:

Nếu sau khi bị cưỡng ép, bị lừa dối mà bên bị lừa dối, bị cưỡng ép đã thông cảm và tiếp tục chung sống hòa thuận thì Tòa án không quyết định hủy việc kết hôn.

Nếu sau khi bị cưỡng ép, bị lừa dối mà bên bị lừa dối, bị cưỡng ép đã thông cảm và tiếp tục chung sống hòa thuận thì Tòa án không quyết định hủy việc kết hôn.

Thứ ba: Người đang có vợ hoặc có chồng lại kết hôn với người khác.

Người đang có vợ hoặc đang có chồng thì không có quyền kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người khác. Nếu việc kết hôn vi phạm Khoản 1 Điều 10 Luật Hôn nhân và gia đình thì cũng là căn cứ để Tòa án xử hủy việc kết hôn đó. Cơ sở để xác định một người đang có vợ, có chồng là căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp và phải đang có hiệu lực. Do đó, nếu một trong hai bên lại kết hôn với người khác thì việc kết hôn của họ bị coi là vi phạm pháp luật. Tòa án có quyền hủy việc kết hôn đó khi có yêu cầu.

Thứ tư: Người mất năng lực hành vi dân sự mà vẫn kết hôn.

Tại Khoản 2 Điều 10 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 qui định cấm người mất năng lực hành vi dân sự được kết hôn. Người mất năng lực hành vi dân sự là người không có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình.

Nếu vào thời điểm đăng ký kết hôn, quyết định tuyên bố một người bị mất năng lực hành vi dân sự của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì việc kết hôn của họ là trái pháp luật.

Thứ năm: Những người cùng dòng máu về trực hệ, những người có họ trong phạm vi ba đời đã bị cấm kết hôn với nhau mà vẫn kết hôn.

Trong thực tế, trường hợp kết hôn vi phạm điều cấm này rất hiếm xảy ra. Bởi lẽ theo truyền thống đạo lý và phong tục của người Việt Nam thì những người có họ gần hay xa đều không thể kết hôn. Nhưng trong những năm gần đây đã có những trường hợp lợi dụng việc kết hôn để làm thủ tục ra nước ngoài nên có không ít những trường hợp có quan hệ huyết thống trong phạm vi ba

đời đã xin đăng ký kết hôn với nhau. Cơ quan đăng ký không xác minh thật trọng nên đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn cho họ. Sau đó, do có đơn tố cáo, vụ việc bị phát hiện nên Tòa án đã hủy việc kết hôn đó.

Thứ sáu: Việc kết hôn giữa những người là cha mẹ nuôi với con nuôi, những người đã từng là cha mẹ nuôi với con nuôi, bố chồng với con dâu, mẹ vợ với con rể, bố dượng với con riêng của vợ, mẹ kế với con riêng của chồng.

Thứ bảy: Việc kết hôn giữa những người cùng giới tính.

Khoản 5 Điều 10 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 qui định cấm hai người cùng giới tính kết hôn với nhau. Vì thế, đây được coi là căn cứ để xử hủy việc kết hôn trái pháp luật.

HẬU QUẢ PHÁP LÝ CỦA VIỆC HỦY KẾT HÔN TRÁI PHÁP LUẬT

Quan hệ nhân thân: Về nguyên tắc Nhà nước không thừa nhận hai người kết hôn trái pháp luật là vợ chồng. Do đó giữa họ chưa bao giờ phát sinh quan hệ vợ chồng. Khi việc kết hôn trái pháp luật bị Tòa xử hủy thì hai bên nam, nữ phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng (khoản 1 điều 17 Luật hôn nhân và gia đình).

Về việc thanh toán tài sản: Theo Khoản 3 Điều 17 Luật Hôn nhân và gia đình 2000 thì tài sản được giải quyết như sau:

Tài sản riêng của bên nào vẫn thuộc về bên đó nhưng người có tài sản riêng phải chứng minh được tài sản đó là của mình. Nếu họ không chứng minh được thì tài sản đó được xác định là tài sản chung.

Tài sản chung được chia theo thỏa thuận của các bên, nếu các bên không thỏa thuận được thì Tòa án giải quyết. Khi chia tài sản chung cần tính đến công sức đóng góp của mỗi bên vào việc tạo lập, duy trì phát triển khối tài sản chung, đồng thời ưu tiên bảo vệ quyền lợi chính đáng của phụ nữ và con.

Quan hệ giữa cha mẹ và con: Quyền và nghĩa vụ giữa cha, mẹ và con không phụ thuộc vào hôn nhân của cha mẹ có hợp pháp hay không. Hai người kết hôn trái pháp luật tuy không phải là vợ chồng nhưng vẫn là cha và mẹ của con chung. Vì vậy khi Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật thì quyền lợi của con được giải quyết như trường hợp cha mẹ ly hôn (Khoản 2 Điều 17 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000). Quy định này nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con. Tòa án nhân dân phải căn cứ vào điều kiện thực tế của các bên đương sự để giải quyết cho hợp tình, hợp lý. ❖